TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁP MƯỜI** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 47/2019/HNGĐ-ST
Ngày 31/10/2019
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn Ngọc**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lê Văn Vững**

2. Ông **Mai Văn Thanh**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Phạm Thị Thi** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

Trong các ngày 15, 31/10/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tháp Mười xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 295/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2019, về việc: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 185/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 138/2019/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp 6A, xã TX, huyện X, Đồng Tháp.

- Bị đơn: Huỳnh Công T, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp 6A, xã TX, huyện X, Đồng Tháp.

(Chị Đ có mặt, anh T vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, lời trình bày của nguyên đơn và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Đ trình bày: Chị và anh Huỳnh Công T đến với nhau do mai mối, được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 1999 và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Mỹ Hòa, huyện Tháp Mười, vào ngày 31/10/2002. Trong thời gian chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được hơn 13 năm, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T thường xuyên chửi và đuổi chị ra khỏi nhà làm cho chị bị tổn thương về mặt tinh thần. Vì thương con, chị đã cho anh T nhiều cơ hội để sửa đổi, nhưng anh T vẫn

không thay đổi, mà mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng hơn, không khí gia đình ngày càng nặng nề, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Công T.

- Về quan hệ nuôi con: Chị và anh T có 01 con chung tên Huỳnh Thị Thảo H, sinh ngày 25/11/2001, hiện Thảo H đang sống với chị và anh T. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng Thảo H và không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

- Về quan hệ tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Anh Huỳnh Công T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, anh T vẫn vắng mặt không lý do tại các phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa sơ thẩm và không có văn bản ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo quy định của pháp luật bị đơn anh Huỳnh Công T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa sơ thẩm. Nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, căn cứ vào các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đ và anh T do mai mối nên quen biết nhau và tự nguyện sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hòa, huyện Tháp Mười. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc được hơn 13 năm, nhưng thời gian về sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, lý do anh T thường xuyên chửi và đuổi chị Đ ra khỏi nhà, chị Đ nhiều lần khuyên anh T để hàn gắn tình cảm nhưng anh T không nghe và không sửa đổi. Từ đó tình cảm vợ chồng không còn như trước, mặc dù chị Đ cố gắng hàn gắn nhưng tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Tại phiên tòa chị Đ trình bày, chị không còn tình cảm với anh T, việc anh T chửi chị thường xuyên làm chị bị tổn thương nghiêm trọng về tinh thần. Nay, chị Đ nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn níu kéo được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Đ yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Công T.

Mặt khác, trong quá trình giải quyết Tòa án thực hiện việc triệu tập đối với bị đơn anh Huỳnh Công T tại các phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa sơ thẩm nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do. Điều này thể hiện tinh thần thiếu trách nhiệm của anh T đối với hôn nhân của mình, anh T không có thiện chí trong việc giải quyết mâu thuẫn gia đình và hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị Đ, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình "*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia*

đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được", căn cứ vào lời trình bày của chị Đ thể hiện chị Đ và anh T thường xuyên cự cãi nhau, anh T không tôn trọng chị Đ, thường xuyên chửi và đuổi chị Đ làm cho chị bị tổn thương về tinh thần. Mặc khác, tại phiên tòa chị Đ trình bày chị không còn tình cảm với anh T. Từ đó chứng minh cuộc sống hôn nhân giữa chị Đ và anh T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Đ về việc xin ly hôn với anh Huỳnh Công T.

[3] Về quan hệ nuôi con: Theo lời trình bày của chị Đ thì chị Đ và anh T có 01 con chung tên Huỳnh Thị Thảo H, sinh ngày 25/11/2001, hiện Thảo H đang sống với chị Đ và anh T. Khi ly hôn chị Đ yêu cầu được nuôi dưỡng Thảo H và không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình quy định:

"*...2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con...*"

Xét thấy, tại bản khai Thảo H có nguyện vọng muốn sống cùng mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Đồng thời, tại phiên tòa chị Đ cam kết sẽ chăm sóc tốt cho Thảo H đến khi trưởng thành. Do đó, để đảm bảo cho Thảo H có cuộc sống ổn định, tâm lý không bị ảnh hưởng khi cha mẹ ly hôn, nên Hội đồng xét xử giao con chung tên Huỳnh Thị Thảo H, sinh ngày 25/11/2001 cho chị Đ được quyền nuôi dưỡng và anh T không cấp dưỡng nuôi con.

Chị Đ, anh T có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không bên nào có quyền ngăn cấm. Anh T được quyền thăm nom con không ai được cản trở.

[4] Về quan hệ tài sản: Theo lời trình bày của chị Đ thì vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Theo lời trình bày của chị Đ thì chị và anh T không có nợ ai, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 53, 56, 71, 72, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn với anh Huỳnh Công T.

- Về quan hệ nuôi con: Giao con chung tên Huỳnh Thị Thảo H, sinh ngày 25/11/2001, cho chị Nguyễn Thị Đ được quyền nuôi dưỡng và chị Đ không yêu cầu anh Huỳnh Công T cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị Đ, anh Huỳnh Công T có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không bên nào có quyền ngăn cấm. Anh T được quyền thăm nom con không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0002333 ngày 28/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Chị Đ đã nộp xong.

- Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Huỳnh Công T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND Tỉnh;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS Huyện;
- UBND xã Mỹ Hòa;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án, (Thi).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Văn Ngọc